TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1652/2025/DS-ST
Ngày 29-09-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Kim Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

2. Ông Lê Văn Rồi

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Minh Quang – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Chung Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 473/2025/TLST ngày 02 tháng 06 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 563/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 08 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 494/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 09 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1965; địa chỉ: số H, Quốc lộ B, Ấp T, xã C (xã T, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Tấn Đ, sinh năm 1971; địa chỉ: số B đường L, ấp P, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 05 năm 2025 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Thành N, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1978; địa chỉ: số A, Đường D, Â, xã C (xã P, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Mai Trung Q, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1986; cùng địa chỉ: ấp Đ, xã Đ (xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cũ), tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn có cho bị đơn ông Võ Thành N và vợ là bà Nguyễn Thị Mỹ H vay tiền nhiều lần tổng cộng nợ gốc là 1.400.000.000 đồng, việc vay tiền có lập thành văn bản ngày 22/02/2021. Để bảo đảm khoản nợ trên, bị đơn có thế chấp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 594207, số vào sổ cấp GCN: CH 00264 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 10/6/2014 cho ông Mai Trung Q và bà Nguyễn Thị Cẩm V và Hợp đồng ủy quyền số 3062 ngày 11/4/2019 lập tại Văn phòng công chứng C giữa bị đơn với ông Mai Trung Q và bà Nguyễn Thị Cẩm V. Hai bên không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn cho vay. Gần đây nguyên đơn cần tiền nên đã yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền nợ trên nhưng bị đơn luôn né tránh, đến nay bị đơn vẫn chưa trả lại số tiền trên cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả cho nguyên đơn một lần số tiền 1.400.000.000 đồng. Sau khi ông Võ Thành N và vợ là bà Nguyễn Thị Mỹ H trả cho nguyên đơn số tiền trên, nguyên đơn sẽ trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 594207, số vào sổ cấp GCN: CH 00264 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 10/6/2014 cho ông Mai Trung Q và bà Nguyễn Thị Cẩm V và Hợp đồng ủy quyền số 3062 ngày 11/4/2019 lập tại Văn phòng công chứng C cho bị đơn.

Ý kiến của bị đơn: Bị đơn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ý kiến của bà Nguyễn Thị Cẩm V: Tại bản tự khai ngày 23/08/2025 bà V trình bày: thửa đất số 356, tờ bản đồ số 4, tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà V và chồng là ông Mai Trung Q. Năm 2019 vợ chồng bà V đã chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Võ Thành N với giá 154.000.000 đồng, hai bên không lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà chỉ đến Văn phòng công chứng C ký kết Hợp đồng ủy quyền với nội dung ông N được toàn quyền định đoạt thửa đất trên, đồng thời vợ chồng bà V đã giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho ông N.

Ông Mai Trung Q vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Bà Nguyễn Thị G là vợ của nguyên đơn, bà G thống nhất với ý kiến của nguyên đơn. Số tiền cho bị đơn mượn là tài sản riêng của nguyên đơn nên bà G không có ý kiến, không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử buộc cá nhân bị đơn ông Võ Thành N phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền đã mượn là 1.400.000.000 đồng, trả một lần nay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc

trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 594207, số vào sổ cấp GCN: CH 00264 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 10/6/2014 cho ông Mai Trung Q và bà Nguyễn Thị Cẩm V và Hợp đồng ủy quyền số 3062 ngày 11/4/2019 lập tại Văn phòng công chứng C cho ông N.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

1. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, tuy nhiên cần khắc phục việc vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại ở Tòa án năm 2025, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng và người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa: bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do; căn cứ quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

Căn cứ bản tự khai ngày 26 tháng 08 năm 2025 của bà Nguyễn Thị G (vợ của nguyên đơn) Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị G không có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan đến vụ án nên không cần thiết đưa bà G vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ gốc 1.400.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật:

Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 22/02/2021 ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn, lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nguyên đơn có cho bị đơn mượn số tiền 1.400.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ.

Căn cứ Thông báo đòi nợ và vận đơn của Bưu điện ngày 05/05/2025, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định trước khi khởi kiện, nguyên đơn đã gửi cho bị đơn thông báo về việc đòi nợ, đã cho bị đơn một thời gian hợp lý để trả nợ nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán nợ cho nguyên đơn;

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn, tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân ông N trả nợ, xét thấy đây là ý chí của nguyên đơn, mặt khác trên Giấy vay nợ chỉ có ông N ký tên, bà H không ký tên trên giấy vay nợ, bà H vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà H về khoản vay trên, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Từ các phân tích trên, căn cứ quy định tại các Điều 463, 466 và 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là hợp pháp nên chấp nhận, buộc bị đơn ông Võ Thành N phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.400.000.000 đồng, phát sinh từ giấy mượn tiền ngày 22/02/2021, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc trả lại cho bị đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 594207, số vào sổ cấp GCN: CH 00264 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 10/6/2014 cho ông Mai Trung Q và bà Nguyễn Thị Cẩm V và Hợp đồng ủy quyền số 3062 ngày 11/4/2019 lập tại Văn phòng công chứng C cho bị đơn ngay khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn:

Xét thấy, trong Giấy mượn tiền ngày 22/02/2021 ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận về tài sản bảo đảm, không thể hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 594207, số vào sổ cấp GCN: CH 00264 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 10/6/2014 cho ông Mai Trung Q và bà Nguyễn Thị Cẩm V và Hợp đồng ủy quyền số 3062 ký kết giữa bị đơn và vợ chồng ông Q ngày 11/4/2019 lập tại Văn phòng công chứng C, tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu này; căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn.

[3.3] Bị đơn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do nên phải gánh chịu hậu quả pháp lý của việc không tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Trung Q và bà Nguyễn Thị Cẩm V đã nhận được thông báo thụ lý vụ án nhưng không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về phần phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy: quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 54.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại ở Tòa án năm 2025;

Căn cứ các 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Võ Thành N phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền nợ gốc là 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng), phát sinh từ Giấy mượn tiền ký kết giữa ông Nguyễn Văn P và ông Võ Thành N ngày 22/02/2021, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P về việc trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 594207, số vào sổ cấp GCN: CH 00264 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 10/6/2014 cho ông Mai Trung Q, bà Nguyễn Thị Cẩm V và Hợp đồng ủy quyền số 3062 ngày 11/4/2019 ký kết giữa ông Mai Trung Q, bà Nguyễn Thị Cẩm V với ông Võ Thành N tại Văn phòng công chứng C cho ông Võ Thành N ngay khi ông Võ Thành N trả hết nợ cho ông Nguyễn Văn P.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn P được miễn tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Võ Thành N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Hoài

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 8-TP. Hồ Chí Minh;
- THA DS TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.